

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ S  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2021/DS-ST  
Ngày: 22 – 6 – 2021  
*V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ S, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vương Thị Lệ Hằng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Đỗ Ngọc Cận

Ông Phan Văn Tạo

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh Thuận – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thúy Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2021/TLST-DS, ngày 05/01/2021, về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 115/2021/QĐXXST-DS ngày 19/5/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần (TMCP) S; Địa chỉ: Số 223, đường N, Quận G, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Sĩ K – Chuyên viên quản lý nợ của Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh S; Địa chỉ: Số 30, đường T, Phường A, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (Giấy ủy quyền số 98/2021/GUQ-CNST ngày 05/4/2021), có mặt).

- Bị đơn: Ông Thạch Nguyễn Đ, sinh năm 1984; Địa chỉ: Số 407, đường Q, Khóm A, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện ngày 26 tháng 10 năm 2020 và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Sĩ K trình bày:

Ngày 06/11/2018, ông Thạch Nguyễn Đ có ký với Ngân hàng TMCP S (viết tắt là Ngân hàng) hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), hạn mức tín dụng là 15.000.000 đồng (mười lăm triệu

đồng), loại thẻ JCB, số thẻ 356480-4855, lãi suất áp dụng là 2.50%, với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông Đ đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 19.690.000 đồng (mười chín triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng). Lãi suất được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau. Ông Đ phải chịu các khoản phí theo quy định của Ngân hàng.

Trong quá trình sử dụng thẻ từ ngày kích hoạt đến nay, ông Đ đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 8.358.000 đồng (tám triệu ba trăm năm mươi tám nghìn đồng). Qua nhiều lần làm việc nhắc nhở, ông Đ không có thiện chí trả nợ. Do ông Đ vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 23/12/2019, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ là 18.061.362 đồng (mười tám triệu không trăm sáu mươi một nghìn ba trăm sáu mươi hai đồng) làm nợ gốc và áp dụng lãi suất nợ quá hạn (150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại).

Nay Ngân hàng TMCP S yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc ông Thạch Nguyễn Đ phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 22/6/2021 là 30.623.162 đồng ((ba mươi triệu sáu trăm hai mươi ba nghìn một trăm sáu mươi hai đồng), trong đó nợ gốc là 18.061.362 đồng, lãi suất là 12.561.800 đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 23/6/2021 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

\* Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố S tham gia phiên tòa trình bày ý kiến: Việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra chứng cứ và kết quả tranh luận tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ nội dung khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Theo nội dung khởi kiện, nguyên đơn Ngân hàng TMCP S yêu cầu ông Thạch Nguyễn Đ trả số tiền nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng thụ lý vụ án và xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giải quyết “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong vụ án, bị đơn ông Thạch Nguyễn Đ cư trú tại thành phố S, tỉnh Sóc Trăng nên Tòa án nhân

dân thành phố S thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã cấp tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Thạch Nguyễn Đ theo địa chỉ được ghi trong đơn khởi kiện. Tuy nhiên trong suốt quá trình tiến hành tố tụng cũng như tại phiên tòa, ông Đ đều vắng mặt không lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt ông Đ và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết.

[3] Về nội dung khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần S:

[3.1] Tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 06/11/2018 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP S và ông Thạch Nguyễn Đ đã tuân thủ các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức nên được thừa nhận và bảo vệ. Các bên tham gia có các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng đã ký.

[3.2] Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bị đơn ông Thạch Nguyễn Đ phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền nợ là 30.623.162 đồng ((ba mươi triệu sáu trăm hai mươi ba nghìn một trăm sáu mươi hai đồng), trong đó nợ gốc là 18.061.362 đồng, lãi suất là 12.561.800 đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 23/6/2021 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử nhận thấy: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng đã thông báo hợp lệ cho ông Thạch Nguyễn Đ biết về yêu cầu khởi kiện cũng như các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, ông Đ đã nhận nhưng không trình bày ý kiến phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản mà nguyên đơn đưa ra. Do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 92 và khoản 1 Điều 95 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về việc xác định chứng cứ và những tình tiết sự kiện không phải chứng minh, Hội đồng xét xử xác định ông Đ có ký kết Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng vào ngày 06/11/2018 với Ngân hàng TMCP S, được Ngân hàng phê duyệt với hạn mức thấu chi là 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng), lãi suất thỏa thuận là 2.50%, lãi nợ quá hạn là 150% so với lãi suất đã thỏa thuận. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Đ đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền nên việc Ngân hàng yêu cầu ông Đ trả số tiền nợ gốc còn lại là 18.061.362 đồng (mười tám triệu không trăm sáu mươi một nghìn ba trăm sáu mươi hai đồng), lãi suất là 12.561.800 đồng (mười hai triệu năm trăm sáu mươi một nghìn tám trăm đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 23/6/2021 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng là có căn cứ, phù hợp với nội dung thỏa thuận về việc trả nợ gốc lãi, chuyển nợ quá hạn, tính lãi tiền vay tại hợp đồng tín dụng đã ký kết và quy định tại Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng.

[4] Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố S là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, ông Thạch Nguyễn Đ phải chịu 1.531.158 đồng (một triệu năm trăm ba mươi một nghìn một trăm năm mươi tám đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng TMCP S không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 95, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

#### **\* Tuyên xử:**

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S.

Buộc ông Thạch Nguyễn Đ trả cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền còn nợ là 30.623.162 đồng (ba mươi triệu sáu trăm hai mươi ba nghìn một trăm sáu mươi hai đồng), trong đó nợ gốc là 18.061.362 đồng (mười tám triệu không trăm sáu mươi một nghìn ba trăm sáu mươi hai đồng), lãi suất là 12.561.800 đồng (mười hai triệu năm trăm sáu mươi một nghìn tám trăm đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Thạch Nguyễn Đ còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán hết nợ. Trường hợp trong hợp đồng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất theo từng thời kỳ thì lãi suất mà ông Thạch Nguyễn Đ phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP S cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP S.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ngân hàng TMCP S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 618.200 đồng (sáu trăm mười tám nghìn hai trăm đồng) theo biên lai thu tiền số 0004965 ngày 29/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

Ông Thạch Nguyễn Đ phải chịu 1.531.158 đồng (một triệu năm trăm ba mươi một nghìn một trăm năm mươi tám đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo bản án: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung).

**Nơi nhận:**

- *TAND tỉnh Sóc Trăng;*
- *VKSND thành phố S;*
- *CC THADS thành phố S;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vương Thị Lệ Hằng**